

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	1223240007	Lâm Thị Hào	02/08/2001	01BK15A1	7.0	8.5	8.0		7.0		7.4	Đạt
2	1223240006	Trần Hồ Mỹ Ngọc	01/01/2003	01BK15A1	8.0	7.0	7.3		8.3		7.9	Đạt
3	1223360002	Trương Ngọc Diễm Quỳnh	18/11/2000	01BK15A1	7.0	8.0	7.7				3.1	Thi lại
4	1223360005	Nguyễn Tấn Sang	02/07/2004	01BK15A1	8.0	7.5	7.7		7.0		7.3	Đạt
5	1223240002	Nguyễn Công Sơn	08/07/2001	01BK15A1	8.0	8.5	8.3		8.3		8.3	Đạt
6	1223240008	Nguyễn Văn Tân	01/05/1998	01BK15A1	6.0	7.0	6.7		8.3		7.6	Đạt
7	1223180002	Võ Hồng Vân	06/02/1970	01BK15A1	7.0	6.0	6.3		9.3		8.1	Đạt
8	1223360012	Lê Phước Gia Bảo	14/05/2004	01BK15A2	8.0	7.5	7.7		7.3		7.4	Đạt
9	1223240022	Nguyễn Huỳnh Giang	20/10/2003	01BK15A2	8.0	6.5	7.0		7.8		7.5	Đạt
10	1223360013	Phạm Trúc Hậu	19/10/2004	01BK15A2	6.0	7.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
11	1223360007	Thạch Huy Hoàng	28/01/2002	01BK15A2	8.0	8.5	8.3		7.0		7.5	Đạt
12	1223360006	Đoàn Minh Khang	08/08/2006	01BK15A2	8.0	8.0	8.0		6.8		7.3	Đạt
13	1223240016	Đặng Ngọc Phương Linh	31/05/2003	01BK15A2	8.0	8.5	8.3		7.3		7.7	Đạt
14	1223360009	Lê Thanh Long	03/09/2003	01BK15A2	8.0	7.5	7.7		8.3		8.0	Đạt
15	1223360014	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	04/10/1999	01BK15A2	8.0	6.0	6.7		6.3		6.4	Đạt
16	1223360010	Cao Hồng Ngọc	28/03/2006	01BK15A2	8.0	6.0	6.7		3.3		4.6	Đạt
17	1223240030	Nguyễn Phương Nguyên	23/12/2001	01BK15A2	8.0	6.5	7.0		5.5		6.1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
18	1223240014	Trần Nhật Tài	26/01/2002	01BK15A2	7.0	6.0	6.3		6.5		6.4	Đạt
19	1223240031	Lê Thị Minh Tâm	26/04/2003	01BK15A2	8.0	6.5	7.0		6.3		6.6	Đạt
20	1223240026	Cao Thị Phương Thảo	03/08/2003	01BK15A2	8.0	7.0	7.3		5.8		6.4	Đạt
21	1223240027	Nguyễn Ngọc Thiện	19/09/2000	01BK15A2	8.0	9.0	8.7		7.5		8.0	Đạt
22	1223360016	Lê Thịnh	28/02/2006	01BK15A2	8.0	5.5	6.3		5.0		5.5	Đạt
23	1223240019	Phan Bích Trâm	26/10/2001	01BK15A2	8.0	6.5	7.0		5.0		5.8	Đạt
24	1223240020	Phan Ngọc Trâm	26/10/2001	01BK15A2	8.0	6.5	7.0		5.5		6.1	Đạt
25	1223360008	Đoàn Ngọc Quế Trân	16/09/2005	01BK15A2	8.0	6.5	7.0		7.3		7.2	Đạt
26	1223240028	Phạm Thị Thúy Vân	03/03/1992	01BK15A2	8.0	7.0	7.3		8.5		8.0	Đạt
27	1223240012	Lê Thị Tường Vi	01/09/2003	01BK15A2	8.0	6.5	7.0		7.5		7.3	Đạt
28	1223360018	Đinh Hải Duy	10/08/1997	01BK15B3	8.0	8.5	8.3		8.3		8.3	Đạt
29	1223240034	Đinh Thị Yến Đình	16/06/1995	01BK15B3	8.0	8.5	8.3		8.3		8.3	Đạt
30	1223240037	Nguyễn Thị Ngọc Anh	10/09/1995	01BK15B3	8.0	9.0	8.7		7.3		7.8	Đạt
31	1223240021	Phạm Thị Ngọc Châu	03/04/2001	01BK15B2	8.0	7.5	7.7		6.3		6.8	Đạt
32	1223240013	Nguyễn Thị Trúc Giang	03/07/2003	01BK15B2	8.0	8.0	8.0		6.8		7.3	Đạt
33	1223240004	Nguyễn Thị Hà	02/10/1994	01BK15B1	8.0	6.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
34	1223240032	Trương Mạnh Khương	14/07/1997	01BK15B2	8.0	7.0	7.3		6.3		6.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
35	1223240035	Phan Trường	Lam	02/08/1999	01BK15B3	8.0	7.0	7.3		6.5		6.8	Đạt
36	1223360022	Nguyễn Đình	Lập	08/03/2005	01BK15B3	8.0		2.7	TBKT			1.1	Học lại
37	1223240011	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	10/12/1997	01BK15B2	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
38	1223240017	Phan Thị Thùy	Linh	26/08/1997	01BK15B2	8.0	9.0	8.7		6.8		7.5	Đạt
39	1223180008	Hồ Thị Thùy	Linh	25/11/1988	01BK15B3	8.0		2.7	TBKT			1.1	Học lại
40	1223180004	Nguyễn Thị Phương	Mai	30/05/1983	01BK15B2	8.0	7.5	7.7		9.0		8.5	Đạt
41	1223360019	Trần Chí	Nam	01/01/2000	01BK15B3	8.0		2.7	TBKT			1.1	Học lại
42	1223180003	Lê Thị Kim	Ngà	09/09/1991	01BK15B1	7.0	9.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
43	1223240010	Đoàn Thu	Ngân	15/07/2000	01BK15B2	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
44	1223360004	Nguyễn Thanh	Phái	13/11/2004	01BK15B1	8.0	9.0	8.7		7.8		8.1	Đạt
45	1223240033	Phạm Văn	Quảng	12/01/1996	01BK15B2	8.0	10.0	9.3		6.0		7.3	Đạt
46	1223180006	Trần Ngọc	Tiến	13/03/1988	01BK15B2	7.0	6.5	6.7				2.7	Thi lại
47	1223360001	Nguyễn Trung	Tín	26/02/2001	01BK15B1	7.0		2.3	TBKT			0.9	Học lại
48	1223240009	Lê Thị Cẩm	Tú	22/01/2000	01BK15B2	8.0	9.0	8.7		7.0		7.7	Đạt
49	1223240015	Lý Văn	Thanh	06/01/1968	01BK15B2	8.0	7.0	7.3		6.8		7.0	Đạt
50	1223360017	Lê Thị Kim	Thoa	26/03/2001	01BK15B3	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
51	1223240005	Nguyễn Thị Kim	Vân	04/01/2002	01BK15B1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4.0		6.0	6.0		
52	1203360097	Nguyễn Thị Yên	Nhi	03/10/2004	01BK13A4	8.0		2.7	TBKT			1.1	Học lại
53	1213180002	Võ Thị Cẩm	An	12/07/1987	01BK14B1	8.0	7.5	7.7		7.0		7.3	Đạt
54	2223360521	Mai Thị Phương	Thảo	09/01/2005	01BK15A8	8.0	7.5	7.7		7.0		7.3	Đạt
55	1223360031	Lê Vũ Thùy	Dương	20/11/1999	01BK15B4	10.0	8.0	8.7		8.6		8.6	Đạt
56	1223240042	Trần Tuấn	Kiệt	01/06/2001	01BK15B4	9.0	6.0	7.0		8.8		8.1	Đạt
57	1223240045	Phùng Văn	Lập	01/06/1991	01BK15B4	10.0	6.0	7.3		7.4		7.4	Đạt
58	1223240038	Đào Thị	Mai	20/12/1997	01BK15B4	10.0	8.0	8.7		7.4		7.9	Đạt
59	1223240046	Trần Thị Hồng	Nhi	29/10/1998	01BK15B4	9.0	7.0	7.7		6.4		6.9	Đạt
60	1223240043	Trương Thị Thanh	Trúc	26/07/1999	01BK15B4	10.0	8.0	8.7		8.8		8.7	Đạt
61	1223240044	Nguyễn Tấn	Trương	15/09/1995	01BK15B4	9.0	6.0	7.0		6.8		6.9	Đạt
62	1223240050	Hà Thị	Hương	19/09/1995	01BK15B5	10.0	8.0	8.7		9.2		9.0	Đạt
63	1223240051	Trần Ngọc	Yên	09/05/1996	01BK15B5	9.0	7.0	7.7		7.2		7.4	Đạt
64	1223240055	Cao Thành	Đạt	28/02/1994	01BK15B6	10.0	8.0	8.7		9.4		9.1	Đạt
65	1223360037	Nguyễn Tấn	Lợi	21/12/2003	01BK15B6	9.0	6.0	7.0		7.6		7.4	Đạt
66	1223180024	Nguyễn Thị Yên	Oanh	01/07/1986	01BK15B6	10.0	7.0	8.0		6.6		7.2	Đạt
67	2223240164	Vương Văn	Phước	19/02/1993	01BK15B6	10.0	7.0	8.0		7.6		7.8	Đạt
68	1223180020	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	29/03/1980	01BK15B6	10.0	9.0	9.3		9.4		9.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1	
								4.0		6.0	6.0		
69	1223360240	Nguyễn Hoàng	Anh	10/04/2007	01BK15A7	8.0	10.0	9.3		6.5		7.6	Đạt
70	1223360248	Vũ Bùi Quốc	Anh	02/05/2007	01BK15A7	8.0	10.0	9.3		7.3		8.1	Đạt
71	1223360241	Nguyễn Hùng	Cường	07/04/2007	01BK15A7	8.0	6.5	7.0		7.5		7.3	Đạt
72	1223360245	Lâm Thị Yến	Chi	07/10/2007	01BK15A7	8.0	5.5	6.3		6.5		6.4	Đạt
73	1223360229	Phan Trần Thu	Hằng	17/08/2007	01BK15A7	8.0	5.0	6.0		4.5		5.1	Đạt
74	1223360232	Nguyễn Gia	Hân	02/12/2007	01BK15A7	8.0	8.5	8.3		7.5		7.8	Đạt
75	1223360250	Nguyễn Trung	Hiếu	01/02/2007	01BK15A7	7.0	9.0	8.3		6.5		7.2	Đạt
76	1223360026	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	30/07/2004	01BK15A4	7.0	5.0	2.3		5.3		4.1	Đạt
77	1223240041	Đỗ Vương	Huy	26/04/2001	01BK15A4	7.0	5.0	5.7		4.8		5.1	Đạt
78	1223240023	Nguyễn Quốc	Huy	24/01/2003	01BK15A3	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
79	1223360054	Hà Hoài	Nam	27/08/2004	01BK15A5	8.0	6.5	7.0		6.8		6.9	Đạt
80	1223180016	Phan Xuân	Niêm	20/09/1995	01BK15A5	8.0	9.5	9.0		7.5		8.1	Đạt
81	1223240040	Hà Kim	Ngân	09/05/2000	01BK15A5	8.0	6.0	6.7		8.8		7.9	Đạt
82	1223360244	Nguyễn Thị Thanh	Nghi	04/08/2007	01BK15A7	8.0	5.0	6.0		5.8		5.9	Đạt
83	1223360076	Phùng Thanh	Nhị	09/09/1996	01BK15A5	8.0	6.5	7.0		9.0		8.2	Đạt
84	1223360251	Phan Khánh	Phương	22/04/2007	01BK15A7	6.0	5.0	5.3		7.3		6.5	Đạt
85	1223240048	Phạm Xuân	Quyền	24/09/2002	01BK15A5	8.0	7.5	7.7		6.5		7.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
86	1223240062	Lê Thị Mỹ Tâm	25/04/2004	01BK15A7	8.0	10.0	9.3		8.3		8.7	Đạt
87	1223360233	Đỗ Trọng Tín	12/11/2007	01BK15A7	8.0	8.5	8.3		5.8		6.8	Đạt
88	1223240049	Ngô Triều Tông	11/12/2002	01BK15A5	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
89	1223240039	Trần Thị Thanh Thuý	12/01/1998	01BK15A4	7.0	5.5	6.0		7.3		6.8	Đạt
90	1223360222	Nguyễn Thị Như Ý	11/03/2007	01BK15A7	8.0	5.0	6.0		7.5		6.9	Đạt
91	1223360234	Cao Đức Hạnh	03/02/2007	01BK15A7	7.0	5.0	5.7		5.3		5.4	Đạt
92	1223360081	Hoàng Kỳ Anh	19/08/2007	01BK15A7	8.0	9.5	9.0		6.5		7.5	Đạt
93	1223360223	Nguyễn Hoài Phương	18/02/2007	01BK15A7	5.0	9.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
94	1223360237	Hồ Tấn Thành	10/08/2007	01BK15A7	8.0	9.5	9.0		7.3		8.0	Đạt
95	1223360239	Phan Thanh Phong	19/10/2007	01BK15A7	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt
96	1223360199	Nguyễn Thành Trung	08/06/2007	01BK15A7	7.0	7.0	7.0		6.8		6.9	Đạt